

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 48/2022/ HSST.

Ngày: 06/01/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường

Bà Lê Thị Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 54/2021/HSST ngày 02/12/2021 đối với các bị cáo:

1. Doãn Văn L- sinh năm 1988; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Doãn Minh H (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Y; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 22/4/2013 bị Chủ tịch UBND huyện S ra Quyết định đưa người nghiện ma túy vào cai nghiện bắt buộc; Ngày 25/8/2016 bị Công an huyện S ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Ngày 15/12/2017 bị Công an huyện C ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”; tạm giữ, tạm giam: không. Bị cáo được áp dụng BPNC cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Ngọc L - sinh năm 1992; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; con ông Phạm Ngọc T và con bà Phạm Thị K; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 27/6/2012 bị Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định đưa người nghiện bắt buộc (đã chấp hành xong

ngày 22/6/2014); tạm giữ, tạm giam: không. Bị cáo được áp dụng BPNC cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

*** Bị hại:**

Anh Nguyễn Văn B - sinh năm: 1983; trú tại: đường K, phường V, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Lê Thế V - Sinh năm: 1979; trú tại: Thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Anh Doãn Văn L - Sinh năm: 1977; trú tại: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

3. Chị Lê Thị H - Sinh năm: 1988; trú tại: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

4. Bà Lê Thị Y - Sinh năm: 1959; trú tại: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Doãn Văn L và Phạm Ngọc L bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do cần tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, vào khoảng 0h15' ngày 14/5/2021 Doãn Văn L rủ Phạm Ngọc L trộm cắp tài sản. Cả hai điều khiển xe kéo (loại xe lôi gắn sau xe mô tô biển kiểm soát 36L6 - 8424, là xe trước đó gia đình L mượn để thu hoạch lúa) đi lang thang quanh khu vực phố H, phường H tìm nhà dân có sơ hở. Khi đi đến xưởng cơ khí của gia đình anh Nguyễn Văn B ở phố H, phường H, thành phố H, Linh quan sát thấy 04 thanh sắt dài từ 90cm đến 140cm để ngoài hè, không có người trông coi, L dừng xe, nói với L cùng bê các thanh sắt lên xe kéo rồi chở ra nơi khác chờ trời sáng, khoảng 6h sáng cùng ngày cả hai chở số sắt trên đến bán cho anh Lê Thế V, sinh năm 1979 địa chỉ thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa lấy 3.100.000đ. Toàn bộ số tiền bán được L giữ và đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 14/5/2021 Phạm Ngọc L đến cơ quan cảnh sát đầu thú.

Ngày 18/6/2021 Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: “01 đoạn sắt (01 đoạn sắt hộp 15x25 dài 1m40, rộng 25cm; 01 đoạn sắt I 300 dài 1m58 rộng 30 cm; 01 đoạn sắt H15 dài 90cm, rộng 15cm, dày 15cm; 01 đoạn sắt H18 dài 1m28, rộng 19cm) có số cân là 310 kg giá trị của tài sản là 3.100.000đ.

- Về phân trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn B là bị hại khai báo tài sản bị chiếm đoạt có giá trị khoảng 3.700.000đ. Ngày 30/9/2021 Cơ quan điều tra đã trả lại 04 thanh sắt các loại và không có yêu cầu gì về mặt dân sự.

Anh Lê Thế V đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 04 thanh sắt các loại. Ngày 22/6/2021 Doãn Văn L đã giao nộp 3.100.000đ cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố H để khắc phục hậu quả. Ngày 30/9/2021 anh V đã nhận được số tiền này, không yêu cầu giải quyết về mặt dân sự.

- Về xử lý vật chứng: Ngày 28/9/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định trả lại 01 chiếc xe kéo đã qua sử dụng cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thị H là người đã cho gia đình L mượn để sử dụng.

Trong vụ án này, anh Lê Thế V khi mua xe không biết được là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Doãn Văn L sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 36L6 - 8424 thuộc sở hữu của anh Doãn Văn L và chiếc xe lôi của gia đình chị Lê Thị H người cùng thôn, anh L và chị H cho gia đình L mượn để vận chuyển lúa mùa vụ. Việc Linh sử dụng làm phương tiện trộm cắp anh Lương, chị H và gia đình L không biết nên không thu giữ chiếc xe mô tô và trả lại chiếc xe lôi cho chị H là phù hợp.

Cáo trạng số 11/CT - VKSTPTH ngày 29/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố các bị cáo Doãn Văn L và Phạm Ngọc L về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thành phố H luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của BLHS (đối với Doãn Văn L) và áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của BLHS (đối với Phạm Ngọc L); đề nghị xử phạt bị cáo Doãn Văn L từ 09 đến 12 tháng tù; Phạm Ngọc L từ 06 đến 09 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Do cần tiền tiêu sài và sử dụng ma túy, nên rạng sáng ngày 14/5/2021, tại xưởng cơ khí ở khu phố H, phường H, thành phố Thanh Hóa, Doãn Văn L và Phạm Ngọc L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 04 đoạn sắt các loại của anh Nguyễn Văn B với tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 3.100.000đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đã đánh giá đúng tính chất hành vi nguy hiểm của tội phạm, đồng thời vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Doãn Văn Linh và Phạm Ngọc L về tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Các bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của các bị cáo Doãn Văn Linh và Phạm Ngọc L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và khung hình phạt áp dụng xét xử đối với các bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS.

[3]. Do có ý đồ phạm tội từ trước, các bị cáo đi lang thang trên các đường phố mục đích là xem nơi nào có tài sản sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản để tìm cách đem đi tiêu thụ lấy tiền mua ma túy sử dụng. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến trật tự an ninh chung, mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân nói riêng, cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

Bị cáo Doãn Văn L là đối tượng khởi xướng chủ động rủ rê Phạm Ngọc L và trực tiếp thực hiện việc trộm cắp tài sản, còn Phạm Ngọc Lương tham gia giúp sức về mặt tinh thần để bị cáo Doãn Văn L thực hiện việc trộm cắp tài sản, nên Doãn Văn L phải giữ vai trò chính.

Trong vụ án này, tình tiết tăng nặng cho cả 02 bị cáo: không. Tình tiết giảm nhẹ chung cho cả hai bị cáo là thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng. Bị cáo Doãn Văn L có thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS là sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả, còn bị cáo Phạm Ngọc Lương và sau khi phạm tội đến cơ quan Công an đầu thú để khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho các bị cáo được quy định tại i, s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Vì bị cáo Doãn Văn L giữ vai trò chính và cả 02 bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ như nhau nên xếp mức án của Doãn Văn L cao hơn Phạm Ngọc L là phù hợp.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội cũng từng bị cáo thì cả 02 bị cáo đều có nhân thân xấu nhiều lần bị xử lý hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, nên việc cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và có điều kiện để các bị cáo cai nghiện ma túy.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại và người liên quan đầy đủ. Bị hại và người liên quan không yêu cầu gì khác cần được công nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1 Mục I phần A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Doãn Văn L và Phạm Ngọc L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của BLHS (đối với Doãn Văn L). Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của BLHS (đối với Phạm Ngọc L) ; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1 Mục I phần A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (đối với cả 02 bị cáo).

Xử phạt:

1. Bị cáo Doãn Văn L 09(chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Bị cáo Phạm Ngọc L 07(bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận bị hại, người liên quan đã nhận lại toàn bộ tài sản do các bị cáo chiếm đoạt.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; bị hại; NLQ
- VKSND tỉnh H;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Cát Tường

Lê Thị Oanh

Nguyễn Thị Lan Anh

Nơi nhận:

- Các bị cáo; bị hại; NLQ
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thành phố Thanh Hóa;
- Công an thành phố Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Anh

